

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MƯỜNG LAY
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 09/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MƯỜNG LAY, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Thân Văn Hàm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lò Văn Hưng

Ông Điều Văn Sáng

- Thư ký phiên tòa: bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mường Lay tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS, ngày 19/02/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 18/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/HSST-QĐ ngày 29/3/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lù Văn L; Tên gọi khác: Lù Văn A;

Sinh năm: 1973

Nơi cư trú: bản N, phường X, thị xã M, tỉnh Điện Biên;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 02/12;

Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Tiền án, tiền sự: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lù Văn P - Sinh năm 1946;

Con bà Tòng Thị N - Sinh năm 1950;

Vợ Lù Thị B - Sinh năm 1989;

Bị cáo có 02 con, con lớn 11 tuổi, con nhỏ 10 tuổi.

Gia đình bị cáo có 05 anh chị em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Điện lực M; Địa chỉ: Tổ 08, thị trấn M, huyện C, tỉnh Điện Biên

- Người đại diện theo pháp luật: ông Lưu Văn P; Sinh năm: 1972; chức vụ: Giám đốc Điện lực M.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Lò Văn N; Sinh năm: 1963; Phó giám đốc Điện Lực M. *(Có mặt tại phiên tòa)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Hiền L, sinh năm 1976, trú tại bản H, phường X, thị xã M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Chị Lò Thị B; sinh năm: 1989, trú tại Bản N, phường X, thị xã M, tỉnh Điện Biên. *(Có mặt tại phiên tòa)*

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Đức M; Sinh năm 1963; trú tại: tổ 11, phường X, thị xã M, tỉnh Điện Biên. *(Vắng mặt không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày, ngày 03/12/2018 và ngày 7/12/2018, Lò Văn L đã 2 lần trộm cắp tài sản tại nhà máy thủy điện N. Lò Văn L đã lấy trộm 02 mô-tơ, 50 mét dây điện lõi nhôm, 10 mét dây cáp đồng của Điện lực M, tổng trị giá là 3.400.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất, khoảng 08 giờ, ngày 03/12/2018 Lò Văn L mang theo dao và dây thừng từ nhà đi vào khu vực thủy điện N với mục đích đi lấy củi. Khi đi đến Nhà máy thủy điện N thuộc bản N, phường X, thị xã M quan sát không thấy người trông coi nên L đã nảy sinh ý định trộm cắp. L ra phía sau nhà điều hành thấy có dây điện có vỏ nhựa màu đen lõi bằng nhôm, L trèo lên cây nhãn cắt một đầu dây và cuộn theo hướng lên đập thủy điện, khi cuộn được khoảng 50m L cắt đầu dây còn lại. Sau đó, L mang ra phía sau đồi đốt vỏ nhựa lấy được 05 kg nhôm. L giấu số nhôm đó ở bụi cây gần khu vực đốt rồi tiếp tục đi xuống phía sau nhà máy thủy điện thấy cửa sổ nhà điều hành đang mở L trèo qua cửa sổ vào nhà điều hành trộm cắp 02 mô tơ loại 3 pha 1kw ở tổ máy số 1 và tổ máy số 2 sau khi lấy trộm được L đã mang 02 mô tơ giấu cùng với lõi nhôm rồi đi về nhà. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, L đi vào chỗ cất giấu tài sản trộm cắp được lấy cuộn dây nhôm bán cho anh Nguyễn Hiền L được 100.000đ *(Một trăm nghìn đồng)*. Khoảng 12 giờ ngày 04/12/2018, L tiếp tục lấy 01 chiếc mô tơ đã trộm cắp được mang đi bán cho anh L được 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Khoảng 12 giờ ngày 05/12/2018, L lấy nốt chiếc mô tơ còn lại đi bán cho anh L được 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Số tiền bán tài sản trộm cắp được L đã tiêu sài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 06 giờ ngày 07/12/2018 Lù Văn L mang theo dao đi xe máy đến gần nhà máy thủy điện thuộc bản N và để xe máy ở ven đường. L đi bộ lên đến nhà máy thủy điện N với mục đích để trộm cắp tài sản. Thấy không có người trông coi L đã trèo qua cửa sổ nhà điều hành vào bên trong dùng dao mang theo cắt 10m dây cáp đồng. L mang số dây điện vừa cắt được lên đòi dùng dao gọt vỏ nhựa để lấy lõi đồng, gọt xong L cuộn dây đồng lại gói vào một chiếc áo và chở số dây đồng đó đến hỏi bán cho anh Nguyễn Hiền L nhưng anh L không mua. L mang dây đồng đến nhà ông Nguyễn Đức M hỏi bán thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã M phát hiện và thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 641^b/KL-HDĐGTS ngày 13/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã M, 02 động cơ điện (Mô tơ) 3 pha 1kw đã qua sử dụng bị cáo L trộm cắp có trị giá 2.000.000đ; 10m cáp đồng PVC/Cu đã qua sử dụng bị cáo L lấy trộm có giá trị 1.000.000đ; 50m dây PVC/Al đã qua sử dụng bị cáo L lấy trộm có giá trị 400.000đ. Tổng tài sản mà bị cáo Lù Văn L lấy trộm có giá trị là 3.400.000đ (*Bút lục số 37-39*).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 mô tơ loại 3 pha 1kw; 05kg lõi dây điện bằng kim loại màu trắng; 06kg lõi dây điện màu xám hồng; 01 cuộn vỏ dây điện bằng nhựa; 01xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, BKS: 27X1-020.14; 01 con dao bằng kim loại màu đen, dài 54cm, cán gỗ hình tròn dài 21cm. Đối với 02 mô tơ điện 3 pha 01kw đã qua sử dụng Cơ quan điều tra đã trả lại cho Điện lực M theo quyết định xử lý vật chứng số: 61/QĐXLVC ngày 18 tháng 01 năm 2019.

Tại phiên tòa đại diện Điện lực M yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.400.000đ; chị B xin lại chiếc xe máy mà công an thu giữ vì xe máy đó là của chị, chị B không biết bị cáo đã đem đi sử dụng vào việc phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKSML ngày 18/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lù Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa phân tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lù Văn L phạm tội trộm cắp tài sản. Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Lù Văn L từ 12 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27/12/2018.

Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS vì bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lù Văn L tại phiên tòa nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo có ý kiến là đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Trong giai đoạn điều tra cũng như trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai thể hiện quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Lù Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo thừa nhận trong các ngày 03 và ngày 07/12/2018 tại nhà máy thủy điện N thuộc bản N, phường X, thị xã M, bị cáo có hành vi lén lút lấy trộm mô tơ điện và dây điện có tổng giá trị là 3.400.000đ. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp hiện trường của vụ án, phù hợp lời khai của người bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ cũng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Do vậy HĐXX đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lù Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3]. Xét tính chất mức độ và hậu quả của tội phạm: hành vi lén lút lấy trộm 02 mô tơ điện; 50m dây điện PVC/Al; 10m dây cáp đồng PVC/Cu là đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ gây mất ổn định trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo lắng hoang mang của quần chúng nhân dân. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần đưa ra xét xử nghiêm để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời có tác dụng giáo dục răn đe người khác có ý thức chấp hành pháp luật.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo Lù Văn L có nhân thân xấu nghiệp ma túy đã hai lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản (Đã được xóa án tích). Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, lần này bị cáo có hành vi lấy trộm tài sản của người khác. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận

thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định, gia đình còn gặp nhiều khó khăn. Do đó HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS. Ghi nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 02 mô-tơ điện 3 pha 01kw đã qua sử dụng Cơ quan điều tra đã trả lại cho Điện lực M theo quyết định xử lý vật chứng số: 61/QĐXLVC ngày 18 tháng 01 năm 2019. Đối với: 01 cuộn vỏ dây điện bằng nhựa; 01 con dao bằng kim loại màu đen, dài 54cm, cán gỗ hình tròn dài 21cm, xét thấy không còn giá trị sử dụng HĐXX tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 05kg lõi dây điện bằng kim loại màu trắng; 06kg lõi dây điện màu xám hồng

Đối với 01xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, BKS: 27X1-020.14 thu của bị cáo cơ quan điều tra xác định chủ sở hữu của chiếc xe là chị Lù Thị B, chị B không biết bị cáo dùng xe của mình để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và chị B đã có đơn đề nghị trả lại xe. HĐXX trả lại chiếc xe cho chị Lù Thị B.

Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Hiền L số tiền là 400.000đ. Số tiền này anh L mua 02 mô-tơ điện và lõi dây điện anh L đã nộp cho cơ quan điều tra. Bị cáo phải bồi thường cho Điện lực M số tiền là 1.400.000đ giá trị của hai cuộn dây bị cáo lấy trộm.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS.

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lù Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lù Văn L 18 (Mười tám.) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 27/12/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Hiền L trú tại bản H, phường X, thị xã M, tỉnh Điện Biên số tiền là 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Bị cáo bồi thường cho điện lực M; Địa chỉ: Tổ 08, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên số tiền là 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi theo lãi xuất cơ bản của Ngân hàng nhà nước công bố trên sổ tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ.

[3]. Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46 BLHS, khoản 1 Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại 02 mô-tơ điện 3 pha 1kw cho bị hại.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, BKS: 27X1-020.14 trả lại cho chủ sở hữu là chị Lù Thị B - Sinh năm: 1989; địa chỉ: Bản N, phường X, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại màu đen, dài 54cm, cán bằng gỗ hình tròn dài 21cm, dao có bao bằng gỗ; 01 cuộn vỏ dây điện bằng nhựa có các màu đỏ, trắng, xanh.

Đối với 05kg lõi dây điện bằng kim loại màu trắng; 06kg lõi dây điện màu xám hồng tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Mường Lay và Chi Cục thi hành án Dân sự thị xã Mường Lay ngày 20/2/2019)

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016, bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[5]. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo phần liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình, người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TA Tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người có Q, NV liên quan;
- VKSND thị xã;
- Đội điều tra Công an thị xã;
- Cơ quan THAHS CA thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- PC 81(THAHS) CA tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- UBND phường X;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ VA,KT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thân Văn Hàm

Các Hội thẩm nhân dân:

1

2

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

